TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2019/QĐST - HNGĐ	*Mường Ảng, ngày 10 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc *" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lò Văn B**, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Bản P, xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Chị **Lò Thị H**, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Bản P, xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58,71, 81, 82, 83, 84 và Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Lò Văn B và chị Lò Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Lò Văn B và chị Lò Thị H có 02 người con chung là cháu Lò Thanh H1, sinh ngày 23/8/2012 và cháu Lò Minh Đ, sinh ngày 27/8/2014.

Anh Lò Văn B và chị Lò Thị H thỏa thuận về việc giao nuôi con chung: Anh B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thanh H1 và cháu Lò Minh Đ cho đến khi cháu H1 và cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B và chị H thỏa thuận: Chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng trên một tháng trên một cháu. Cả hai cháu là 2.000.000 đồng trên một tháng cho đến khi cháu H1 và cháu Đ đủ 18 tuổi, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Thời gian bắt đầu tính cấp dưỡng nuôi con chung từ ngày 01 tháng 5 năm 2019 cho đến khi cháu H1 và cháu Đ đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lò Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản chị H thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về: Anh Lò Văn B và chị Lò Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết**.**

3. Về án phí: Anh Lò Văn B phải chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng anh Lò Văn B thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên anh B được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Lò Thị H phải chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000^{đ} (Một trăm lăm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Lò Thị H là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên chị H được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã Ẳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Ích Rồng